



Annual Report 2007

Báo cáo thường niên



HABUBANK

Giá trị tích lũy niềm tin

DẤU ẤN NĂM 2007

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên Habubank lần thứ XVI và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của năm 2006 và đề ra kế hoạch kinh doanh năm 2007.
- Tăng vốn điều lệ từ 1.000 lên 2.000 tỷ đồng, với tổng vốn chủ sở hữu đạt gần 3.200 tỷ đồng, Habubank trở thành ngân hàng cổ phần có cấu trúc tài chính tốt nhất trong hệ thống ngân hàng cổ phần Việt Nam.
- Công ty chứng khoán Habubank tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế năm 2007 đạt 104,26 tỷ đồng, tăng gấp 6 lần so với năm 2006.
- Deutsche Bank hoàn thiện việc tham gia 10% cổ phần của Habubank và chính thức trở thành cổ đông chiến lược của Habubank.

Lãnh đạo Habubank
nhận bằng khen Thủ tướng Chính phủ



- Habubank vinh dự nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì có thành tích trong sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Lãnh đạo Habubank nhận Giải thưởng
“Ngân hàng Việt Nam của năm”



- 2007 là năm thứ 2 liên tiếp Habubank nhận danh hiệu “Ngân hàng Việt Nam của năm” do tạp chí The Banker (Anh quốc) trao tặng.

- Đây là năm thứ 8 liên tiếp Habubank được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xếp loại A.
- Vị thế vững chắc của Habubank tại thị trường trong nước liên tục được củng cố bằng những giải thưởng Habubank nhận được trong năm: **Nhãn hiệu nổi tiếng 2007; Siêu cup Sản phẩm Việt hợp chuẩn WTO 2007; Chứng nhận là 1 trong 500 doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam; Thương mại dịch vụ 2007....**

Lãnh đạo Habubank nhận giải thưởng Thương mại dịch vụ 2007



- Hoàn thành thắng lợi giai đoạn 1 của dự án hiện đại hóa công nghệ ngân hàng: đã triển khai thành công phần mềm FCC cho 5 đơn vị của Ngân hàng.
- Triển khai 3 sản phẩm mới trên cơ sở kết hợp với các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước: An tín tiêu dùng, An cư nhà mới, Tình yêu cho con - tạo đà cho việc nghiên cứu và cho ra mắt một loạt sản phẩm Bancassurance.

Lễ khai trương Trụ sở mới Chi nhánh Habubank Bắc Ninh



- Khai trương 9 điểm giao dịch mới trên địa bàn Hà Nội, Hà Tây, Bình Dương và xây mới 3 trụ sở: Chi nhánh Cầu Giấy (Thành phố Hà Nội), Chi nhánh Bắc Ninh (Tỉnh Bắc Ninh), Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thành phố Hồ Chí Minh).
- 2007 cũng là một năm thành công của Habubank trong lĩnh vực Thanh toán quốc tế khi tiếp tục nhận được danh hiệu "**Ngân hàng Thanh toán Quốc tế xuất sắc**"



Ông: Nguyễn Văn Bằng - Chủ tịch HĐQT

Habubank - Hướng tới những con đường lớn

Kính thưa các Quý vị cổ đông!
Các nhà đầu tư, các khách hàng thân thiết của Habubank!

Vào cuối những năm 80 của thế kỷ trước, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - Habubank chính thức đi vào hoạt động - đúng vào lúc đất nước thực thi những chính sách đổi mới mở cửa phát triển đối với toàn bộ nền kinh tế. Mỗi doanh nghiệp ra đời vào thời kỳ đó đều có chung một quyết tâm là làm sao góp sức mình cùng đất nước sớm bước ra khỏi thời kỳ khó khăn. Là một trong những ngân hàng cổ phần đầu tiên tại Việt Nam, Habubank đã không ngừng nỗ lực vượt qua các thử thách để phát triển. Với tầm nhìn chiến lược dài hạn, thông qua việc nâng cao năng lực hoạt động cả về quy mô, trình độ công nghệ và nguồn nhân lực, Habubank đang ngày càng hướng gần đến mục tiêu trở thành 1 trong 3 ngân hàng được tín nhiệm nhất Việt Nam. Sự bền vững của Habubank tiếp tục được thể hiện qua kết quả kinh doanh năm 2007: vốn chủ sở hữu đạt gần 3.200 tỷ đồng, các chỉ tiêu về tổng tài sản, tổng nguồn vốn huy động, tổng dư nợ, lợi nhuận trước thuế đều tăng trưởng từ 30% đến hơn 105% so với năm 2006 và kiểm soát rủi ro tốt, đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Chính từ những thành tựu đó, năm 2007, Habubank đã vinh dự nhận được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và là năm thứ 2 liên tiếp được Tạp chí The Banker (Anh) trao tặng danh hiệu "Ngân hàng Việt Nam của năm".

2008 đang ở phía trước, Habubank hướng tới kỷ niệm 20 năm ngày thành lập ngân hàng. 20 năm đồng hành cùng sự phát triển đi lên của đất nước, 20 năm với truyền thống là sự phát triển bền vững ổn định - an toàn - hiệu quả nhưng đó lại là sự nỗ lực cố gắng không ngừng của gần 900 cán bộ nhân viên trong “đại gia đình Habubank”. Chúng tôi tự hào vì truyền thống đó đã mang lại cho Habubank ngày càng nhiều hơn những khách hàng tiềm năng, những đối tác tin cậy, những hợp tác dài lâu.

Với tất cả những thành tựu đạt được, Habubank hoàn toàn tự tin và chủ động trước những biến động không ngừng của môi trường kinh doanh. Để củng cố vững vàng hơn nữa, Habubank đã, đang và sẽ tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, phát triển mạng lưới một cách toàn diện, hợp lý.

Các yếu tố trên đã trở thành THẾ và LỰC cho Habubank, tạo ra các cơ hội mới để Habubank tiếp bước phát triển cùng đất nước. Habubank đã và luôn sẵn sàng đón nhận những thời cơ và thách thức.

Chúng tôi mong muốn rằng, niềm tin, sự ủng hộ của các Quý khách hàng, các nhà đầu tư sẽ luôn đồng hành cùng sự phát triển của Habubank trong mọi khó khăn và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Nguyễn Văn Bằng



Lịch sử hoạt động

Là một trong những ngân hàng cổ phần đầu tiên của Việt Nam được thành lập thí điểm trong thời kỳ đổi mới của đất nước, sau 19 năm hoạt động Habubank đã mở rộng các lĩnh vực kinh doanh, trở thành ngân hàng thương mại cổ phần đa năng có truyền thống phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả, hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn tài chính vững mạnh.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Habubank đã mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế và nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ WB, tổ chức ESCAP của UNDP. Với sự ra đời của của Pháp Lệnh Ngân hàng 1992, Habubank đã từng bước mở rộng, đa dạng hoá hoạt động và cung cấp đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng thương mại: huy động tiền gửi và tiết kiệm từ dân cư và tổ chức, cho vay khách hàng, cung cấp các dịch vụ thanh toán, bảo lãnh trong và ngoài nước, Với quãng đường 19 năm hoạt động, Habubank đã đi qua những thời kỳ khó khăn của nền kinh tế trên tiến trình bước ra khỏi thời kỳ bao cấp để tiến đến một nền kinh tế thị trường. Đến năm 2007, Habubank đã thành công trong việc xây dựng cho ngân hàng một cấu trúc tài chính lành mạnh và an toàn với mức thặng dư vốn đạt trên 40% vốn điều lệ, các chỉ số an toàn vốn (CAR) đạt trên chuẩn quốc tế, các chỉ số tài chính (ROA, ROE) duy trì liên tục nhiều năm ở mức cao trong thị trường tài chính Việt Nam và Quốc tế. Các mốc phát triển quan trọng của Ngân hàng qua các thời kỳ bao gồm:

- Ngày 2 tháng 1 năm 1989, Habubank khai trương hoạt động tại số 125 Bà Triệu, Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng và tên gọi là “NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI”.
- Năm 1992, với sự ra đời của Pháp lệnh ngân hàng và Hợp tác xã tín dụng, Habubank đã vượt qua sự hữu hạn từ lĩnh vực kinh doanh “ngân hàng nhà” để trở thành ngân hàng thương mại đa năng, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đa dạng cho khách hàng. Ngân hàng cũng được đổi tên thành “NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NHÀ HÀ NỘI” và mở rộng cơ cấu cổ đông với sự tham gia của các cá nhân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.
- Năm 1995, Habubank chính thức được phép cung cấp dịch vụ thanh toán Quốc tế, kinh doanh ngoại tệ và tăng vốn điều lệ lên 24,396 tỷ đồng.
- Năm 2001, Habubank mua lại Ngân hàng TMCP Nông thôn Quảng Ninh và mở chi nhánh đầu tiên tại Quảng Ninh, khai trương Website Habubank tại địa chỉ www.habubank.com.vn với những thông tin cơ bản về sản phẩm dịch vụ, lãi suất... cung cấp cho khách hàng. Cùng năm này, Habubank triển khai hệ thống Smartbank trong toàn hệ thống, là một trong những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam thực hiện quản lý dữ liệu tập trung và nối mạng online toàn hệ thống; trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội Viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT).

- Năm 2002, Habubank bắt đầu triển khai đề án Nâng cao năng lực kiểm soát rủi ro và năm 2004, hợp tác với dự án SBV - GTZ (Đức) nhằm đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro của Ngân hàng.
- Năm 2005, triển khai dịch vụ ngân hàng tự động: thành lập Trung tâm thẻ Habubank, phát hành thẻ Habubank Vantage và trở thành thành viên chính thức trong liên minh thẻ VNBC (Vietnam Bankcard).
- Năm 2006, Habubank tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng, thành lập và đưa vào hoạt động Công ty Chứng khoán Habubank; triển khai dự án Nâng cấp hạ tầng dữ liệu thông tin phục vụ cho hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành; được Tạp chí The Banker (Anh) trao tặng danh hiệu “Ngân hàng Việt Nam của năm”.
- Năm 2007, tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng; hoàn thành việc lựa chọn Deutsche Bank là đối tác chiến lược nước ngoài; được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và lần thứ 2 liên tiếp được Tạp chí The Banker bầu chọn là “Ngân hàng Việt Nam của năm”. Cũng trong năm 2007, Công ty Chứng khoán Habubank tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng, đồng thời trở thành đơn vị dẫn đầu và có đóng góp to lớn trong việc xây dựng thị trường trái phiếu Việt Nam.

Hoạt động giao dịch tại Habubank



Giới thiệu ban lãnh đạo Ngân hàng

Hội đồng quản trị



1. Ông **Nguyễn Văn Bằng** - Chủ tịch Hội đồng quản trị



2



3



4

2. Bà **Dương Thu Hà** - Ủy viên Thường trực HĐQT.
3. Ông **Đỗ Trọng Thắng** - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
4. Ông **Nguyễn Tuấn Minh** - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

Ban điều hành



Tổng Giám đốc: Bà Bùi Thị Mai (giữa)
Các Phó Tổng Giám đốc (từ trái qua phải)
 Bà Nguyễn Thị Kim Oanh; Bà Lê Thu Hương;
 Ông Nguyễn Tuấn Minh; Ông Đỗ Trọng Thắng;
 Bà Nguyễn Dự Hương; Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Ban kiểm soát



(Từ trái qua phải)
 Bà **Trần Thị Lan Hương** - Trưởng Ban
 Bà **Nguyễn Thị Minh Hải** - Thành viên
 Bà **Trần Thị Hà Giang** - Thành viên



5 mục tiêu chiến lược của Habubank

- 1 - Tối đa hoá giá trị đầu tư của các cổ đông. Giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh;
- 2 - Không ngừng nâng cao động lực làm việc và năng lực cán bộ thông qua việc luôn là Ngân hàng đi đầu trong việc sáng tạo và phát triển các chính sách đãi ngộ cũng như phát triển sự nghiệp cho các cán bộ của mình;
- 3 - Duy trì sự hài lòng, trung thành và gắn bó của khách hàng với Habubank. Phát triển HABUBANK thành một trong top 2 ngân hàng Việt nam “được lựa chọn” do chất lượng dịch vụ tốt nhất bởi các doanh nghiệp cầu tiến, hộ gia đình và cá nhân;
- 4 - Phát triển Habubank trở thành một trong 3 ngân hàng được ngưỡng mộ/tín nhiệm nhất Việt nam về: quản lý, môi trường làm việc, văn hoá doanh nghiệp chú trọng khách hàng, thúc đẩy hợp tác và sáng tạo, linh hoạt khi môi trường kinh doanh thay đổi;
- 5 - Góp phần tích cực làm vững chắc thị trường tài chính trong nước.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản tổng hợp 5 năm

Đơn vị: Triệu VND

Cho năm	2007	2006	2005	2004	2003
Tổng thu từ hoạt động kinh doanh	2.248.179	986.246	488.911	311.440	194.020
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh	1.702.501	707.174	371.031	238.562	161.672
Thu nhập hoạt động thuần	545.678	279.072	117.880	72.878	32.348
Dự phòng nợ khó đòi	84.923	31.025	14.783	12.412	3.217
Tỷ lệ Nợ Quá hạn	2,49%	0,95%	1,1%	1,41%	0,82%
Lợi nhuận trước thuế	460.755	248.047	103.097	60.466	29.131
Lợi nhuận sau thuế	365.632	185.193	75.190	45.657	19.816
Cổ tức	20%	32%	25%	15%	14%

Tại thời điểm cuối năm 31/12	2007	2006	2005	2004	2003
Tổng tài sản có	23.518.684	11.685.318	5.524.791	3.728.305	2.686.147
Tổng dư nợ	9.419.378	5.983.267	3.330.218	2.362.641	1.596.105
Tổng tài sản Nợ	20.339.339	9.928.937	5.133.327	3.474.758	2.535.179
Tổng huy động	19.970.336	9.735.102	4.949.003	3.397.386	2.486.552
Vốn điều lệ	2.000.000	1.000.000	300.000	200.000	120.000
Tổng vốn cổ đông	3.179.345	1.756.381	391.464	253.547	150.968



HABUBANK 2007

Kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007

So với các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông lần thứ XVI đề ra, Habubank đã hoàn thành và vượt mức, cụ thể được trình bày dưới đây theo mô hình quốc tế CAMEL đánh giá Hiệu quả hoạt động và An toàn của ngân hàng.

Kể từ năm 2000 Habubank đã sử dụng mô hình tiêu chuẩn quốc tế ứng dụng rộng rãi này cùng các tiêu chí khắt khe của Ngân hàng Thế giới và Ủy ban Basel làm khung định hướng các mục tiêu tài chính cân bằng rủi ro - lợi nhuận để xây dựng kế hoạch phát triển bền vững của mình, hướng tới cạnh tranh dài hạn khi mở cửa. CAMEL đánh giá hiệu quả và an toàn của Ngân hàng dựa trên 5 yếu tố:

- An toàn Vốn
- Chất lượng Tài sản
- Chất lượng quản trị điều hành
- Hiệu quả kinh doanh
- An toàn Thanh khoản

Đánh giá về an toàn vốn

Năm 2007, Habubank đã đảm bảo an toàn vốn tốt nhất theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và chuẩn mực Quốc tế:

- **Tỷ lệ an toàn Vốn:** tính bằng Tổng vốn chủ sở hữu trên Tổng tài sản có rủi ro. Tỷ lệ an toàn vốn của Habubank tính theo hướng dẫn quốc tế Basel và tiêu chuẩn của cơ quan quản lý ngành luôn đạt trên 16%. Như vậy tỷ lệ an toàn vốn của Habubank đã đạt và vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông XVI đề ra là trên 10%.
- **Tỷ lệ đòn bẩy tài chính:** được tính bằng Tổng Tài sản có trên Vốn điều lệ. Năm 2007, Habubank đã duy trì tỷ lệ này ở mức 15 lần (chuẩn mực quốc tế tốt nhất là 14 đến 17 lần). Tỷ lệ này được duy trì hiệu quả nhờ triển khai mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản và vốn điều lệ hiệu quả. Cụ thể: Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2007 đạt 23.518 tỷ đồng, tăng trưởng 101,27% so với 2006 và đạt 117,59% so với kế hoạch; Vốn điều lệ tăng từ 1000 tỷ đồng lên 2000 tỷ đồng, tăng trưởng 100% so với 31/12/2006 và đạt 100% kế hoạch;
- **Tỷ lệ cho vay khách hàng so với Tổng tài sản:** bình quân toàn ngành ngân hàng là 56%, Habubank đạt 40% thể hiện việc

cơ cấu tổng tài sản được phân tán tốt hơn, ít bị phụ thuộc hơn vào dư nợ cho vay khách hàng và có mức rủi ro tài sản thấp hơn bình quân ngành. Habubank còn hoạt động rất tích cực trên thị trường liên ngân hàng, cho vay các ngân hàng khác - là loại hình tài sản được đánh giá ít rủi ro hơn một nửa so với cho vay khách hàng. Năm 2007, Tổng dư nợ cho vay khách hàng đạt 9.419 tỷ đồng, tăng trưởng 57,43% so với 31/12/2006.

Chất lượng Tài sản

Năm 2007, chất lượng tài sản của Habubank tiếp tục được giữ vững và duy trì ở mức tốt với tỷ lệ nợ quá hạn dưới 2,5%, thấp hơn nhiều so với mức Ngân hàng nhà nước cho phép (5%). Năm 2007, Habubank đã tiến hành phân loại nợ theo chính sách mới chặt chẽ hơn và gần tương đồng với chuẩn mực quốc tế.

Chất lượng Quản trị điều hành

Chất lượng Quản trị điều hành có thể được thể hiện qua tăng trưởng tổng tài sản, huy động và năng suất làm ra lợi nhuận. Năm 2007, Habubank tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng ở mức từ 30% đến hơn 105% so với 2006, trong đó:

- **Tăng trưởng Tổng tài sản:** tại thời điểm 31/12/2007 đạt 23.518 tỷ đồng, tăng

trường 101,27% so với 2006 và đạt 117,59% so với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông;

- **Tăng trưởng Huy động:** Tổng nguồn vốn huy động đạt 19.970 tỷ đồng, tăng trưởng 105,17% so với 31/12/2006 và đạt 133,13% kế hoạch; đáp ứng hiệu quả nhu cầu cho vay ngắn, trung, dài hạn của Habubank và kinh doanh trên thị trường liên ngân hàng;
- **Năng suất Lợi nhuận trước thuế trên một nhân viên:** năm 2007 mỗi nhân viên Habubank bình quân làm ra 574 triệu đồng lợi nhuận, đạt trên 130% so với năng suất năm 2006.

Hiệu quả Kinh doanh

Habubank đánh giá hiệu quả kinh doanh dựa trên các tiêu chí: Lợi nhuận thuần, ROAE (Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân), ROAA (Lợi nhuận trên Tổng tài sản bình quân), và dựa trên cơ cấu thu nhập (theo đó Thu nhập thuần phi tín dụng, đặc biệt là từ phí dịch vụ phải ngày càng tăng trưởng).

- **Lợi nhuận thuần:** Năm 2007, Lợi nhuận thuần trước thuế và sau khi trích dự phòng đạt 460 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi năm 2006 - 185 %, vượt kế hoạch 445 tỷ đồng Đại hội XVI đề ra, bằng 103,37% kế hoạch. Với mức lợi nhuận này, tỷ lệ ROAE tính trên vốn điều lệ bình quân của Habubank đạt 30,4% sau thuế. Đặc điểm quan trọng là nguồn lợi nhuận đạt được từ các hoạt động cốt lõi của Ngân hàng, không phải là lợi nhuận bất thường chỉ xảy ra một lần.

- **Tỷ suất hiệu quả sử dụng tài sản:** được tính bằng Lợi nhuận thuần sau thuế trên Tổng tài sản có bình quân. Năm 2007, ROAA của Habubank đạt 2,1%. Tỷ lệ này nằm trong mặt bằng tiêu chuẩn quốc tế tốt là từ 2% đến 2,5%.

Cơ cấu thu nhập phi tín dụng:

Habubank duy trì cơ cấu thu nhập phi tín dụng so với tổng thu nhập tốt, trong đó thu nhập thuần từ phí dịch vụ chiếm 18,67%, tăng nhiều so với năm 2006 là 13,51%. Tăng trưởng mạnh mẽ Thanh toán quốc tế là một yếu tố chủ đạo dẫn tới kết quả này. Năm 2007, doanh số thanh toán quốc tế đạt 816 triệu USD, tăng 133,92% so với 2006 và đạt 136,15% kế hoạch. Ngoài ra, đóng góp thu nhập từ phí của Công ty TNHH Chứng khoán Habubank là yếu tố quan trọng khác.

An toàn Thanh khoản

Năm 2007, Habubank tiếp tục duy trì các chính sách đảm bảo thanh khoản theo quan điểm thận trọng, căn cứ trên đánh giá về tình hình phát triển kinh tế Việt nam, tình hình phát triển kinh tế khu vực và toàn cầu có nhiều biến động với các chính sách tài chính tiền tệ có nhiều thay đổi. Theo đó, các tỷ lệ an toàn đều cao hơn so với yêu cầu của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cũng như tiêu chuẩn Quốc tế. Tỷ lệ vốn khả dụng luôn được duy trì trên 35% so với Tổng tài sản có (so với bình quân ngành 27%) và Tỷ suất chứng khoán ngắn hạn so với Huy động cũng luôn duy trì trên 30% (so với bình quân ngành trên 20%). Quan điểm quản lý Quốc tế theo chuẩn tốt nhất duy trì các tỷ suất trên ở mức 30%.

Lễ ra mắt sản phẩm mới "Tình yêu cho con" kết hợp giữa Habubank và Bảo Việt nhân thọ

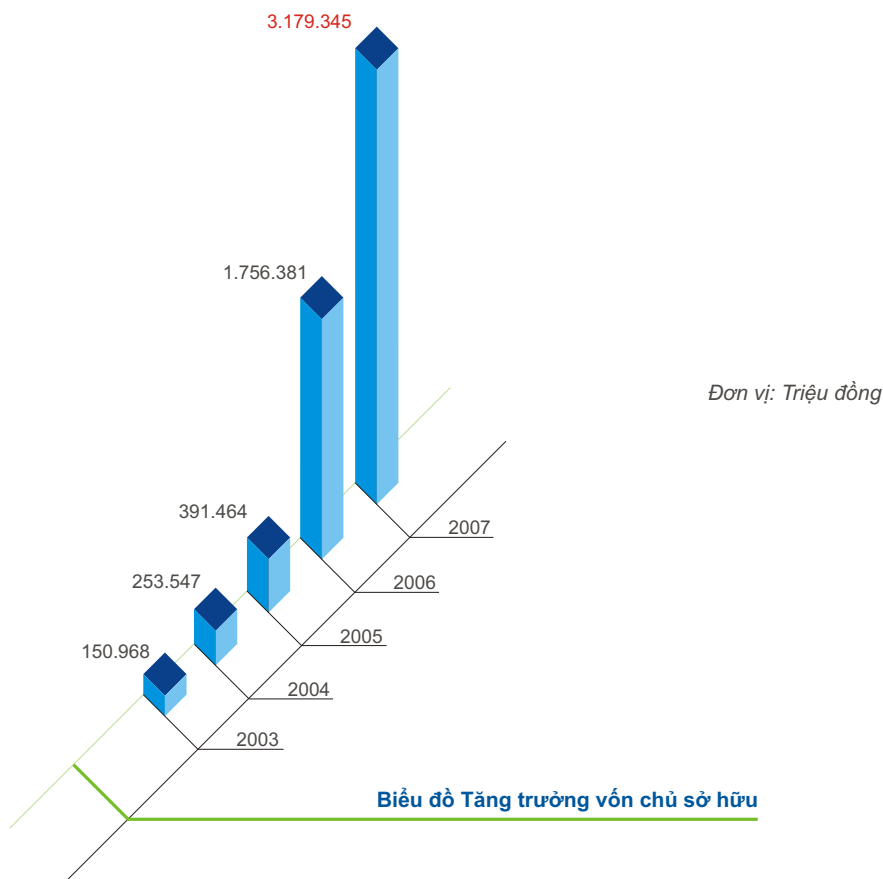


Chi tiết kết quả tài chính năm 2007

Mặc dù tình hình kinh tế trong nước bắt đầu xuất hiện những khó khăn, sự cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt với sự ra đời của một loạt các ngân hàng mới và sự mở rộng hoạt động của các ngân hàng nước ngoài, 2007 vẫn tiếp tục là một năm thành công của Habubank trên nhiều mặt. Cụ thể:

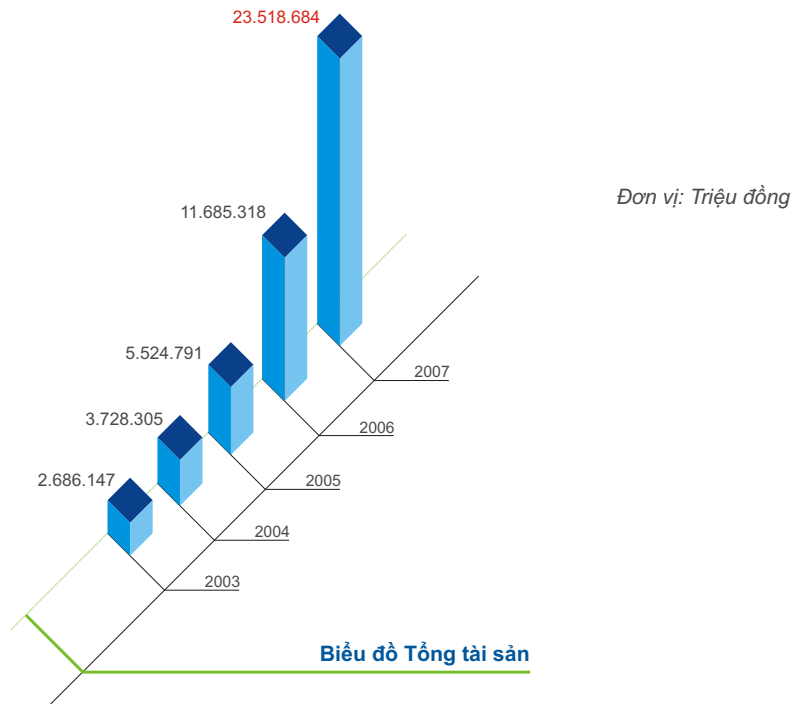
Về vốn chủ sở hữu

Habubank đặc biệt chú trọng đến việc củng cố năng lực tài chính, đảm bảo an toàn cho hoạt động ngân hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh khi thị trường có khó khăn. Năm 2007, Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 1.000 lên 2.000 tỷ đồng và thành công trong việc xây dựng một cơ cấu tài chính có thể nói là tốt nhất trên thị trường Việt Nam với thặng dư vốn đạt trên 40% vốn điều lệ. Habubank cũng thành công trong việc lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài là Deutsche Bank AG, một trong những ngân hàng hàng đầu thế giới để hỗ trợ Ngân hàng tăng cường năng lực quản trị rủi ro và hoạt động. Deutsche Bank đã mua 10% cổ phần của Habubank và mong muốn tham gia tới 20% cổ phần của Ngân hàng khi được pháp luật cho phép.



Về tổng tài sản

Đến cuối năm 2007, tổng tài sản của Habubank đạt 23.518 tỷ đồng, tăng trưởng 101,27% so với năm 2006, vượt 17,2% so với kế hoạch.

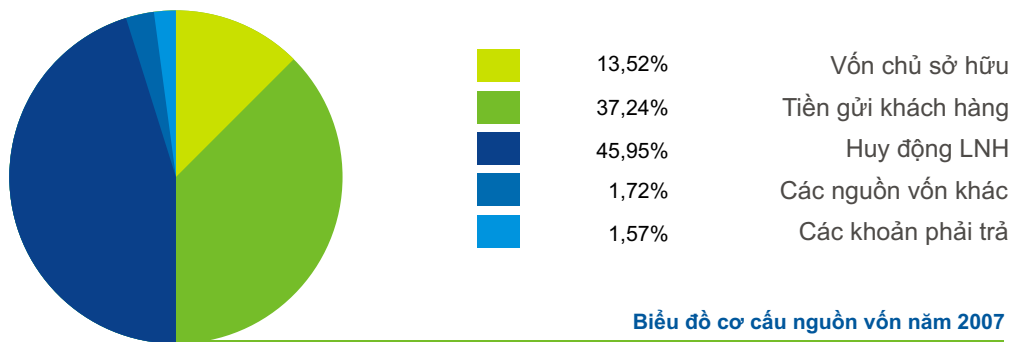
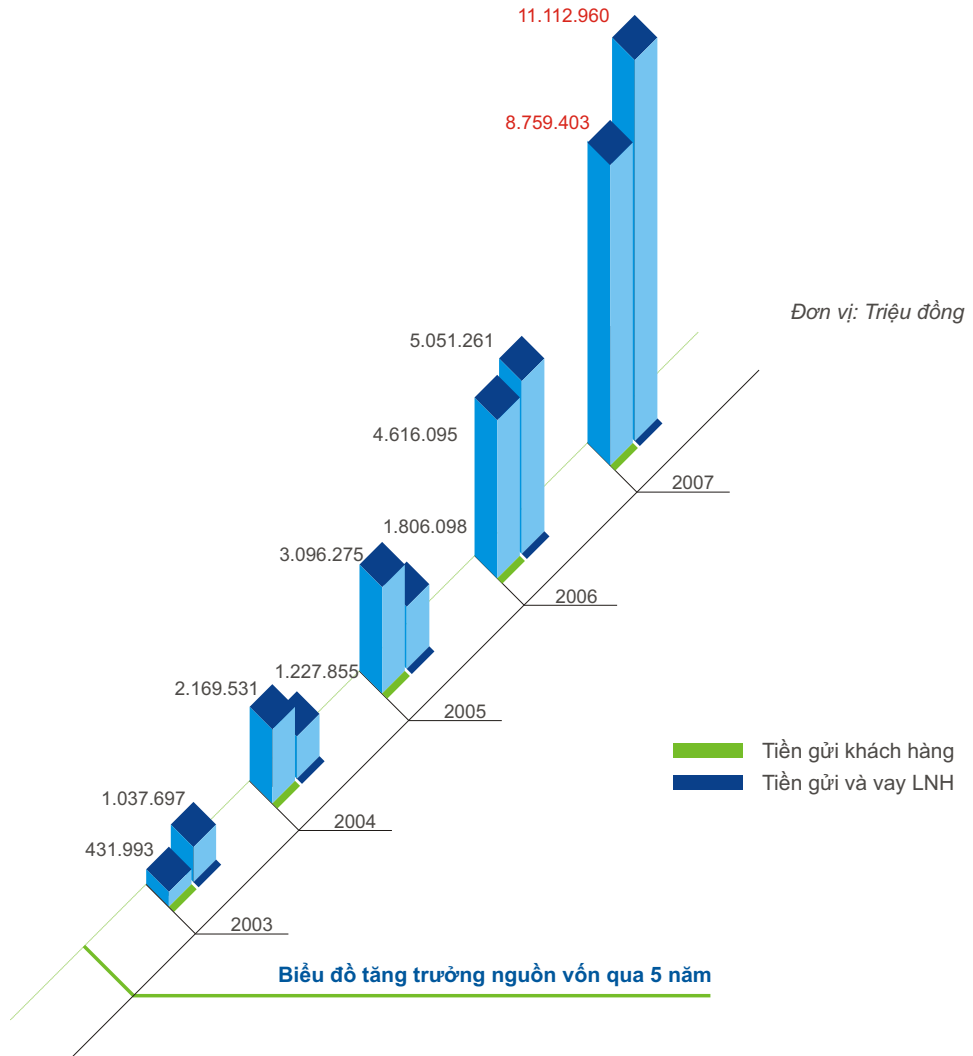


Về huy động vốn

2007 là năm có nhiều biến động trên thị trường tiền tệ. Cạnh tranh ngày càng mạnh với sự bùng nổ mạng lưới các ngân hàng, đặc biệt là sự xuất hiện của các ngân hàng nông thôn chuyển đổi lên thành thị. Ngoài ra, chính sách thắt chặt tiền tệ của NHNN để kiềm chế lạm phát cũng góp phần làm tăng chi phí vốn cho các ngân hàng và đẩy lãi suất huy động lên cao. Lãi suất giao dịch trên thị trường thời điểm đầu năm, giữa năm và cuối năm chênh lệch rất lớn, dao động trong khoảng 200 - 300 điểm (2% - 3%/năm). Đặc biệt vào thời điểm cuối tháng 12, thị trường khan hiếm tiền đồng và lãi suất giao dịch tiền đồng Việt Nam bị đẩy lên rất cao. Trong bối cảnh đó, Habubank vẫn luôn đảm bảo tốt khả năng thanh khoản, đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh phát triển của Ngân hàng.

Để đạt được kết quả trên, Habubank đã luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, duy trì một biểu lãi suất linh hoạt, đa dạng về kỳ hạn và phong phú về hình thức. Bên cạnh các tài khoản tiền gửi và tiền gửi tiết kiệm, trong năm 2007, Habubank còn chú trọng đến việc phát hành giấy tờ có giá và đã phát hành thành công 2 đợt kỳ phiếu USD cho Ngân hàng, đưa ra sản phẩm mới "tiết kiệm 3G" dành cho các doanh nhân năng động và sản phẩm tiết kiệm gửi góp được tặng bảo hiểm "Tình yêu cho con" dành cho các bậc cha mẹ muốn chuẩn bị một khoản tài chính tương lai cho con. Ngoài ra, Habubank cũng đẩy mạnh công tác chăm sóc khách hàng cũ, tiếp thị các doanh nghiệp mới để nâng cao số dư tiền gửi tại Ngân hàng trên cơ sở duy trì một lượng lớn khách hàng gắn bó.

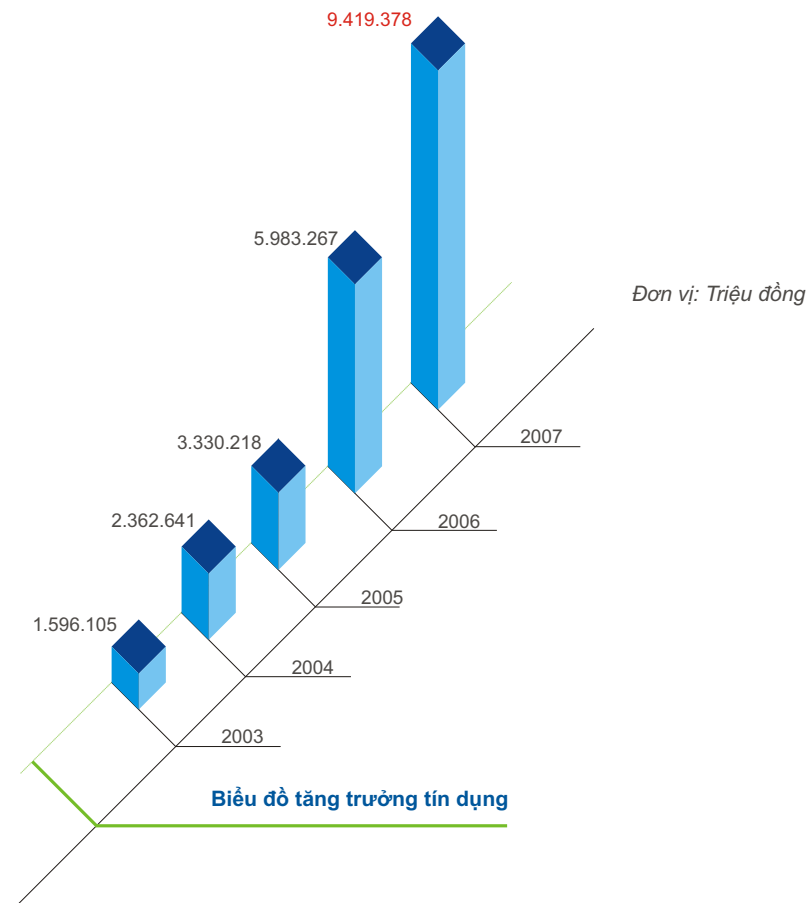
Tổng huy động vốn của Ngân hàng trong năm 2007 đạt 19.970 tỷ đồng, tăng trưởng 105,13% so với năm 2006 và vượt 50% kế hoạch được giao, trong đó huy động tiết kiệm tăng 30,3%, huy động tiền gửi khách hàng tăng 299% và huy động từ thị trường liên ngân hàng tăng 122,4 %.

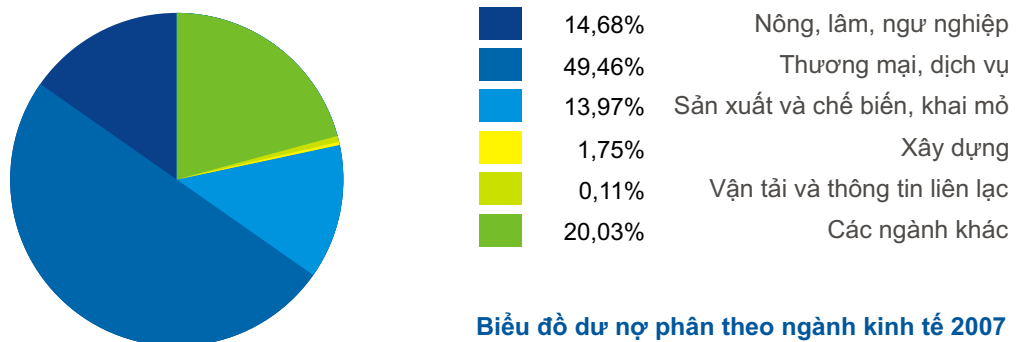
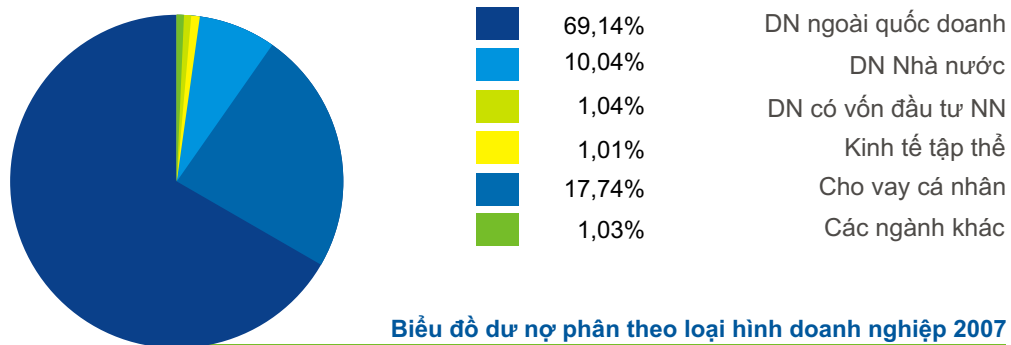
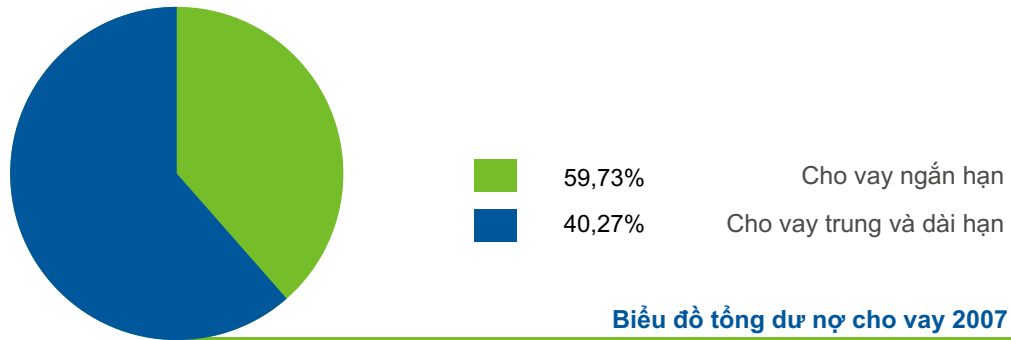


Về sử dụng vốn

► Cho vay khách hàng

Trong giai đoạn 2006 - 2010, năm 2007 được xem như là năm thứ hai liên tiếp đánh dấu sự thành công vượt bậc của Habubank về chiến lược phát triển nhanh, mạnh, hiệu quả và an toàn. Cùng với việc mở rộng hệ thống mạng lưới tại 10 điểm giao dịch tại các vùng kinh tế trọng điểm trên toàn quốc nhằm tăng khả năng cung cấp dịch vụ, tạo sự tiện ích cho khách hàng, hoạt động tín dụng đã có bước tăng trưởng ổn định. Tính đến 31/12/2007, tổng dư nợ cho vay toàn Ngân hàng đạt 9.419 tỷ đồng tăng 57,43% so với năm 2006, đóng góp không nhỏ vào tổng thu nhập từ hoạt động cho Ngân hàng, trong đó tỷ lệ cho vay ngắn hạn chiếm 64%, trung dài hạn chiếm 36%. Tính đến 31/12/2007, sau khi trích đủ dự phòng, quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của Habubank là 133,5 tỷ đồng.





Bên cạnh chính sách với cơ cấu lãi suất linh hoạt, phù hợp, hỗ trợ việc tăng trưởng tín dụng, Ngân hàng cũng chú trọng việc đa dạng hoá các sản phẩm dịch vụ, đặc biệt các sản phẩm dành cho khối khách hàng cá nhân. Các sản phẩm có gắn với bảo hiểm như “An tín tiêu dùng” - cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp là khách hàng của Habubank, “An cư nhà mới” - cho vay mua nhà đã được các khách hàng đánh giá cao. Ngân hàng cũng thí điểm việc kết hợp với các công ty cung ứng hàng hoá để cho khách hàng vay mua hàng trả góp để hoàn thiện sản phẩm trước khi áp dụng rộng rãi. Song song với việc duy trì phát triển tín dụng thì công tác quản trị rủi ro tín dụng được Ngân hàng đặc biệt quan tâm. Một loạt các biện pháp đã được triển khai trong năm 2007 nhằm ngày càng giảm thiểu rủi ro tín dụng. Ngân hàng đã thành lập phòng Pháp chế để kiện toàn hành lang pháp lý trong công tác quản lý tín dụng, tiếp tục triển khai phần mềm hệ thống chấm điểm khách hàng thể nhân và doanh nghiệp mới nhằm cập nhật các tiêu chí khi xem xét tài trợ và đánh giá chính xác khách hàng để có các chính sách tín dụng phù hợp. Ngoài ra, công tác kiểm tra, kiểm soát và rà soát tín dụng được thực hiện định kỳ nhằm phát hiện, cảnh báo rủi ro để đưa ra giải pháp, phối hợp với phòng chức năng xử lý kịp thời đã giúp Habubank làm tốt hơn công tác quản lý rủi ro tín dụng với tỷ lệ nợ quá hạn thấp.

➤ **Hoạt động trên thị trường liên ngân hàng**

Năm 2007 đánh dấu sự phát triển vượt bậc của Habubank trong hoạt động trên thị trường liên ngân hàng. Tổng doanh số giao dịch trong năm đạt trên 400.000 tỷ đồng, tương đương bình quân 1.515 tỷ đồng/ngày, tăng 2,8 lần so với năm 2006.

➤ **Hoạt động đầu tư**

Với mục tiêu tăng thu nhập và phân tán rủi ro, hoạt động đầu tư của Habubank trong năm 2007 thể hiện trên các mặt như sau:

Về đầu tư chứng khoán nợ

Habubank đẩy mạnh kinh doanh giấy tờ có giá nhằm đa dạng hóa danh mục đầu tư và là phương tiện hỗ trợ thanh khoản của

Ngân hàng, đảm bảo an toàn hoạt động. Tổng danh mục đầu tư giấy tờ có giá của Habubank năm 2007 đạt 2.411 tỷ đồng, tăng 64% so với 2006, trong đó chủ yếu là trái phiếu chính phủ và các loại chứng khoán nợ do các TCTD khác và các tập đoàn kinh tế lớn phát hành.

Về đầu tư chứng khoán vốn

Ngoài việc bổ sung thêm vốn cho công ty chứng khoán trực thuộc Ngân hàng, trong năm 2007, Ngân hàng cũng đầu tư thêm 138,46 tỷ đồng góp vốn dài hạn vào các doanh nghiệp hoạt động tốt, nhiều tiềm năng.

Về chứng khoán kinh doanh

Tổng đầu tư chứng khoán kinh doanh của Ngân hàng tới thời điểm 31/12/2007 là 77,74 tỷ đồng, tương đương 0,33% tổng tài sản của Ngân hàng, trong đó hơn 90% là chứng khoán niêm yết.

➤ **Kinh doanh ngoại tệ**

Năm 2007, thị trường ngoại hối Việt Nam có một số đặc điểm lớn: Cung ngoại tệ trên thị trường lớn, lượng đầu tư gián tiếp tăng 6,5 lần so với năm 2006 và gây ra hiện tượng thừa ngoại tệ tại một số thời điểm. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ của Habubank tập trung chủ yếu để đảm bảo cung cấp cho các khách hàng thanh toán Quốc tế của Ngân hàng. Habubank cũng chú trọng mở thêm mạng lưới bàn đại lý thu đổi ngoại tệ ở các địa bàn Hà Nội, Hà Đông, Hải Phòng. Thu thuần từ kinh doanh ngoại tệ đạt 2,7 tỷ đồng, tăng gần gấp đôi năm 2006.

Dịch vụ ngân hàng

➤ **Bảo lãnh**

Năm 2007, tổng doanh số bảo lãnh của Habubank đạt 2.499 tỷ đồng, tăng 158,56% so với năm 2006. Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh đạt 17,2 tỷ đồng, tăng 45,76% so với năm 2006.

➤ **Thanh toán Quốc tế**

Trong năm 2007 dịch vụ Thanh toán Quốc tế của Habubank đã đạt được những thành công vượt bậc cả về chất và lượng. Toàn Ngân hàng đã đạt được những kết quả hết sức khả quan: hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh số Thanh toán Quốc

tế và thu phí dịch vụ thanh toán được Hội đồng Quản trị đề ra đồng thời nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của hoạt động. Tổng doanh số Thanh toán Quốc tế toàn Ngân hàng năm 2007 đạt được hơn 816 triệu USD, bằng 136,15% kế hoạch cả năm và bằng 233,92% so với năm 2006.

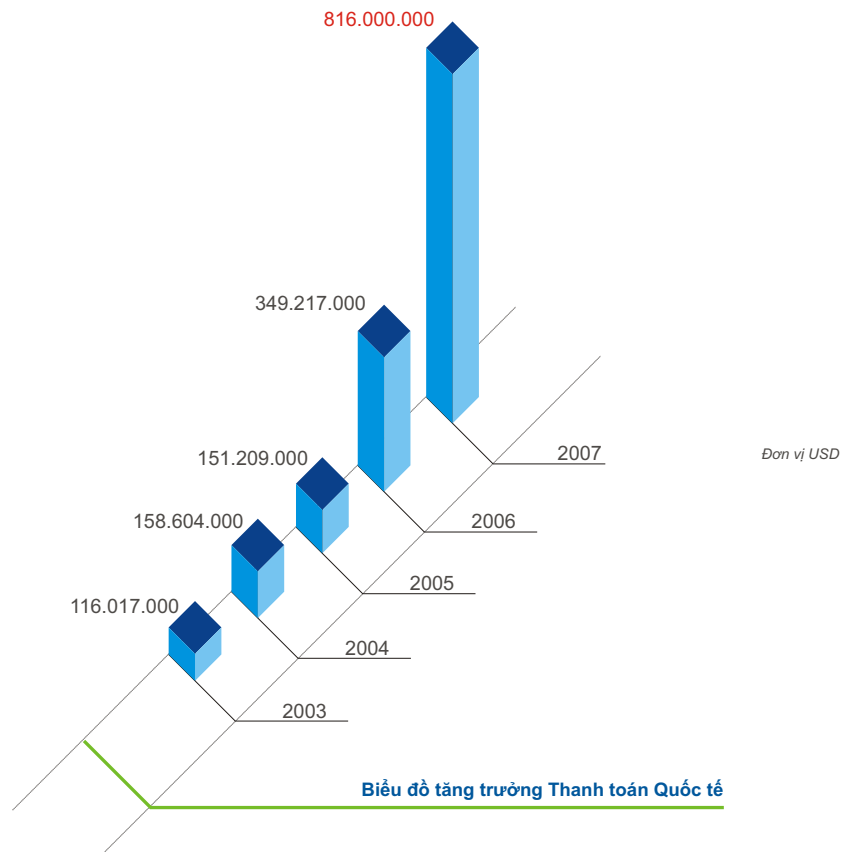
Năm 2007, Habubank cũng tiếp tục được các ngân hàng Quốc tế đánh giá cao về chất lượng thanh toán. Trong năm, Habubank đã được trao tặng **Giải thưởng về chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc** của các ngân hàng đa quốc gia lớn như Citibank, Wachovia, HSBC... Tỷ lệ điện thanh toán chuẩn của Habubank luôn ở mức rất cao, góp phần làm giảm chi phí có thể phát sinh, rút ngắn thời gian giao dịch và nâng cao uy tín của Habubank đối với khách hàng cũng như với các ngân hàng nước ngoài.

Habubank cũng luôn chú trọng việc tăng cường và phát triển tốt quan hệ đại lý với các ngân hàng nước ngoài với hiệu quả ngày càng cao: tăng hạn mức xác nhận thư tín dụng, giảm đáng kể mức phí xác nhận tại các ngân hàng lớn như: Citibank,

Wachovia, SCB, Deutsche Bank, Fortis Bank, JP Morgan, Nova Scotia..., thiết lập thêm mã khoá giao dịch trực tiếp với nhiều ngân hàng trên thế giới nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu giao dịch có xác thực của khách hàng, mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý có quan hệ trực tiếp lên tới hàng ngàn trên 94 nước và vùng lãnh thổ.

Trong năm, Ngân hàng cũng đưa ra nhiều chính sách ưu đãi cho khách hàng cũng như triển khai các dịch vụ mới nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng như thu đổi Séc du lịch, tái cấp vốn, tái chiết khấu L/C...

Mục tiêu của Habubank trong năm 2008 là tiếp tục nâng cao doanh số Thanh toán Quốc tế, nâng cao mức thu từ hoạt động thanh toán nói chung và Thanh toán Quốc tế nói riêng; đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng đại lý, thiết lập hạn mức tín dụng mới và nâng cao hạn mức sẵn có với các ngân hàng nhằm tạo thuận lợi cho giao dịch của khách hàng, đồng thời chú trọng việc cung cấp các sản phẩm dịch vụ mới để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu khách hàng.



Dịch vụ ngân hàng tự động

Năm 2007 là năm dịch vụ ngân hàng tự động của Habubank đạt được nhiều kết quả khả quan.

- ▶ Số lượng thẻ phát hành tăng hơn 200% so với năm 2006;
 - ▶ Mạng lưới chấp nhận thẻ (POS) được mở rộng cả chiều rộng và chiều sâu. POS Habubank đã có mặt tại các siêu thị lớn tại Hà Nội và ngoài hệ thống siêu thị, POS Habubank cũng có mặt tại nhiều các đơn vị kinh doanh khác, đa dạng về lĩnh vực và sản phẩm dịch vụ, phù hợp với đối tượng khách hàng chủ thẻ Habubank;
 - ▶ Thẻ Habubank Quickcard (loại thẻ phát hành nhanh, khách hàng có thể nhận thẻ ngay khi có yêu cầu) được khách hàng ưa chuộng, đặc biệt được các bạn sinh viên và các đối tượng khách hàng trẻ tuổi yêu thích;
- ▶ Cũng trong năm 2007, khách hàng chủ thẻ Habubank được hưởng nhiều ưu đãi từ các chương trình mua hàng giảm giá do Habubank cùng hợp tác với các đơn vị chấp nhận thẻ tổ chức;
 - ▶ Habubank đã hoàn thành kết nối hệ thống thẻ với Công ty cổ phần chuyển mạch tài chính Việt Nam (Banknetvn). Như vậy bên cạnh hệ thống ATM của các ngân hàng thành viên VNBC (Đông Á, Sài Gòn Bank, MH Bank), các chủ thẻ của Habubank có thể thực hiện các giao dịch như rút tiền, chuyển khoản, tra cứu số dư, in sao kê giao dịch tại các các máy ATM của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP An Bình....



Công ty chứng khoán Habubank - Một năm thành công trên thị trường

2007 là một năm thắng lợi trong hoạt động kinh doanh của Công ty chứng khoán Habubank (Habubank Securities) với những thành công chủ yếu từ những hoạt động Môi giới chứng khoán và Tư vấn tài chính doanh nghiệp. Mặc dù thị trường chứng khoán trong nước năm 2007 có những biến động to lớn, nhưng Habubank Securities vẫn duy trì được lượng khách hàng truyền thống, số lượng khách hàng mới đến mở tài khoản tại công ty và giá trị giao dịch tăng đều đặn, tạo nên một nguồn doanh thu lớn và ổn định cho công ty.

Khẳng định vị thế trên thị trường nợ, Habubank Securities đã tư vấn và bảo lãnh phát hành thành công 500 tỷ đồng trái phiếu đợt I kỳ hạn 5 năm và 3.000 tỷ đồng trái phiếu đợt II kỳ hạn 10 năm cho Tổng công ty Vinashin, phối hợp cùng Deutsche Bank phát hành thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu cho Lilama, 400 tỷ đồng trái phiếu công trình cho VEC... và như vậy chỉ sau 2 năm đi vào hoạt động, Habubank Securities được đánh giá là công ty dẫn

đầu thị trường về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Theo báo cáo kiểm toán, doanh thu năm 2007 của Habubank Securities đạt 427,573 tỷ đồng, tăng gấp 16 lần so với năm 2006; lợi nhuận đạt 104,26 tỷ, tăng gấp 6 lần so với năm 2006. Cũng trong năm 2007, Habubank Securities đã tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 150 tỷ đồng.

Bước sang năm 2008, Habubank Securities chủ trương tập trung vào việc tiếp tục hoàn thiện các gói sản phẩm dịch vụ thông qua việc không ngừng nghiên cứu nắm bắt và đón đầu các nhu cầu thiết thực của khách hàng, đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, có những chính sách nhân sự hợp lý thu hút nhân tài đồng thời đặt ra kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tài chính một cách hữu hiệu nhằm tiếp tục khẳng định vị thế vững chắc trên thị trường chứng khoán, góp phần tích cực vào phát triển thị trường tài chính Việt Nam...

Khách hàng giao dịch tại sàn chứng khoán Habubank



Nhân sự - Chìa khóa của thành công

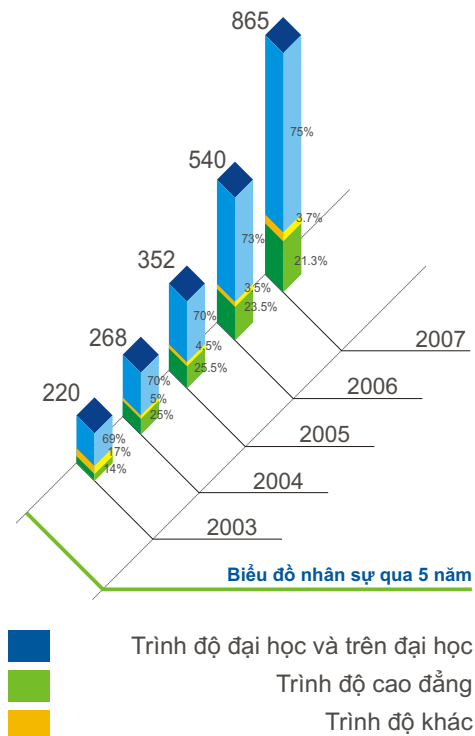
Ngay từ buổi đầu mới thành lập, Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) đã khẳng định: Con người là tài sản quý giá nhất và quyết định sự thành bại của mỗi doanh nghiệp. Xuất phát từ quan điểm đó, Ban lãnh đạo Habubank đã kiên trì theo đuổi chính sách nhân sự trọng tâm để xây dựng và củng cố một lực lượng nhân viên chuyên nghiệp - tận tụy.

Năm 2007, tiếp nối đà tăng trưởng ổn định, Habubank tiếp tục mở rộng mạng lưới và quy mô nguồn nhân lực. Số lượng nhân viên trong toàn hệ thống Habubank tính đến cuối năm 2007 đã lên tới 865 cán bộ - tăng trưởng gần 50% so với cùng kỳ năm 2006. Trong tình hình nhân lực ngành ngân hàng khan hiếm và cạnh tranh gay gắt để thu hút nhân viên giữa các ngân hàng, Habubank vẫn duy trì được tỷ lệ nhân viên gắn bó với Ngân hàng ở mức 97%. Con khát về nhân sự cho ngành ngân hàng có những ảnh hưởng nhất định đối với Habubank nhưng trước tình hình đó Habubank vẫn chủ động được nhân sự đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh doanh của toàn hệ thống. Có được thành công trong tuyển dụng và giữ nhân viên như hiện nay là do Ban lãnh đạo Ngân hàng luôn nhất quán thực thi chính sách nhân sự “Không ngừng nâng cao động lực làm việc và năng lực cán bộ”. Chính sách này được cụ thể hoá bằng cách tạo ra môi trường làm việc mà ở đó nhân viên có cơ hội để thể hiện năng lực và kết quả lao động của họ được ghi nhận xứng đáng thể hiện ở chế độ đãi ngộ công bằng và toàn diện.

Đối với Habubank công tác đào tạo đội ngũ quản lý kế cận là vô cùng quan trọng. Song song với việc tạo môi trường làm việc lành mạnh với những cơ hội thăng tiến rõ ràng, Ban lãnh đạo luôn dành một phần ngân sách không nhỏ cho việc đào tạo nhân viên. Tất cả nhân viên Habubank đều được đào tạo bài bản và thống nhất đảm bảo chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp đồng nhất trong toàn hệ thống. Năm 2007, có 1.173 lượt cán bộ được cử tham gia 64 chương trình đào tạo nghiệp vụ và hội thảo chuyên ngành trong nước và quốc tế. Ngoài việc tổ chức các khoá đào tạo ngắn hạn, Ban lãnh đạo luôn khuyến khích nhân viên nâng cao mặt

bằng kiến thức của mình thông qua việc tài trợ cho nhân viên tham gia các khoá đào tạo cao học dài hạn.

Bằng những nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo và sự gắn kết một lòng của toàn thể nhân viên, thành công của Habubank đã được sự công nhận trong nước cũng như nước ngoài với việc lần thứ 2 liên tiếp được tạp chí The Banker trao danh hiệu “Ngân hàng Việt Nam của năm 2007” và một trong những tiêu chí The Banker đánh giá cao Habubank là đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, khả năng thích nghi với môi trường kinh doanh hội nhập tốt. Năm qua, Habubank cũng đã được Thủ tướng Chính phủ trao bằng khen vì những đóng góp cho hoạt động ngân hàng Việt Nam. Đây sẽ là động lực để cán bộ nhân viên tiếp tục phấn đấu trong năm 2008.



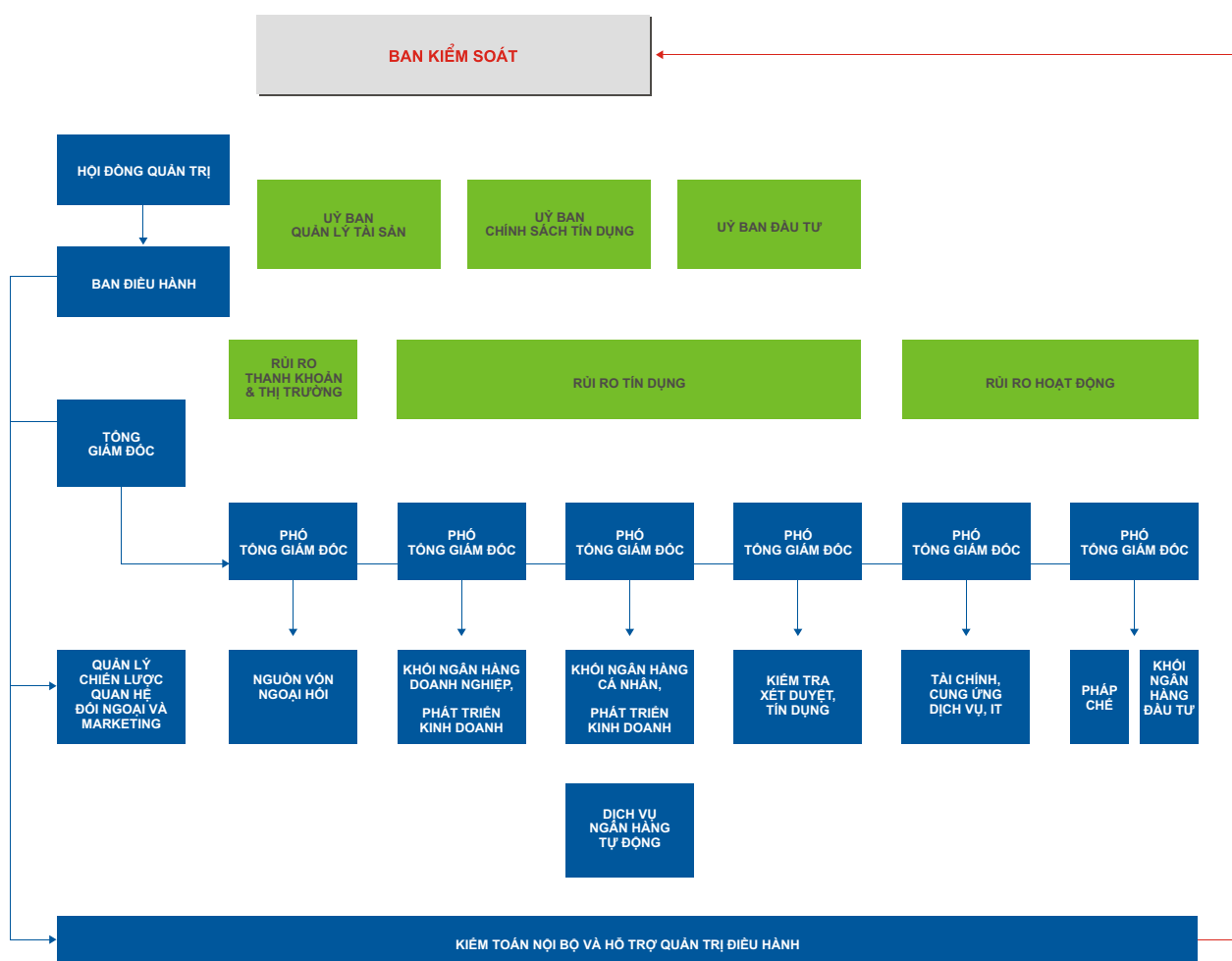


HABUBANK 2007

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhân sự



Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng năm 2007

Trong năm 2007, Habubank đã miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị và bổ nhiệm thêm 02 Phó Tổng giám đốc gồm:

Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông Nguyễn Đường Tuấn	Ủy viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2007
2	Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2007
3	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007

Thông tin cổ đông

Vốn điều lệ của Habubank

Vốn điều lệ đầu kỳ (1/1/2007)	Vốn điều lệ tăng trong kỳ (thời gian)	Vốn điều lệ cuối kỳ (31/12/2007)
1.000 tỷ đồng	260 tỷ: tháng 4/2007 140 tỷ: tháng 9/2007 600 tỷ: tháng 12/2007	2.000 tỷ đồng

Số lượng cổ đông

Số lượng cổ đông đầu kỳ	Số lượng cổ đông tăng trong kỳ	Số lượng cổ đông giảm trong kỳ	Số lượng cổ đông cuối kỳ
592	998		1590
Trong đó 45 cổ đông là tổ chức	30		Trong đó 75 cổ đông là tổ chức

Cơ cấu cổ đông của Habubank

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ CP SỞ HỮU ĐẦU KỲ (1/1/2007)	PHÁT SINH TRONG KỲ		SỐ CP SỞ HỮU CUỐI KỲ (31/12/2007)
				Tăng	Giảm	
I	CỔ ĐÔNG LÀ PHÁP NHÂN TRONG NƯỚC		36.406.736	48.667.195		85.073.931
II	CỔ ĐÔNG LÀ THỂ NHÂN		63.593.264			94.926.069
	<i>Thành viên HĐQT gồm:</i>					
1	Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	1.486.727	2.113.093		3.599.820
2	Nguyễn Đường Tuấn (Đại diện pháp nhân của CĐ là NH Đầu tư Phát triển Việt Nam) * Miễn nhiệm ngày 1/9/2007	Ủy viên	1.237.500	989.889		2.227.389
3	Đỗ Trọng Thắng	Ủy viên	130.000	56.368		186.368
4	Nguyễn Tuấn Minh	Ủy viên	198.500	47.360		245.860
5	Dương Thị Thu Hà	Ủy viên	525.000	227.640		752.640
	<i>Thành viên BKS gồm:</i>					
1	Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban kiểm soát	125.000	54.200		179.200
2	Nguyễn Thị Minh Hải	TV BKS	1.523.932		1.509.427	14.505
3	Trần Thị Hà Giang	TV BKS	16.500		1.087	15.413
	<i>Thành viên BDH gồm:</i>					
1	Bùi Thị Mai	Tổng giám đốc	66.000	102.792		168.792
2	Lê Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	49.500	21.597		71.097
3	Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng giám đốc	130.000	56.368		186.368
4	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng giám đốc	0	18.285		18.285
5	Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng giám đốc	198.500	47.360		245.860
III	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI					
	Deutsche Bank Aktiengesellschaft (Đức)		0	20.000.000		20.000.000
IV	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC SỞ HỮU 5% VỐN CỔ PHẦN					Không có
	TỔNG CỘNG		100.000.000			200.000.000

HABUBANK 2007

Hướng tới năm 2008

Hướng tới năm 2008

Các mục tiêu hoạt động

Với tốc độ tăng trưởng nhanh, mạnh, bền vững được xây dựng trên nền tảng là truyền thống phát triển an toàn - ổn định - hiệu quả, Habubank sẽ luôn phấn đấu để trở thành 1 trong 3 ngân hàng được tin nhiệm nhất Việt Nam. Nền tảng là đội ngũ lãnh đạo dày dặn kinh nghiệm, khả năng nắm bắt với sự thay đổi của thị trường tốt, sự quyết đoán nhạy bén cùng đội ngũ cán bộ nhân viên năng động, đầy nhiệt huyết, sáng tạo và bằng sự linh hoạt sẵn có, Habubank hoàn toàn có thể tự tin đón nhận những khó khăn, thách thức trong những năm tiếp theo. Dưới đây là các mục tiêu hoạt động của Habubank trong năm 2008:

- 1 - Tiếp tục nâng cao năng lực tài chính thông qua việc tăng vốn điều lệ, đa dạng hoá nguồn vốn kết hợp giữa vốn điều lệ và các loại hình vốn khác như trái phiếu sao cho tối đa hoá hiệu quả sử dụng vốn.
- 2 - Tiếp tục nâng cao giá trị đầu tư của cổ đông thông qua hợp tác kinh doanh, cổ tức, giá trị cổ phiếu và nâng cao tính thanh khoản của cổ phiếu. Chọn lựa thời điểm phù hợp trong năm 2008 - 2009 niêm yết cổ phiếu Habubank trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- 3 - Đa dạng hoá các nguồn thu kinh doanh, tiếp tục mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực tài chính mới có tiềm năng hiệu quả cao và liên kết chặt chẽ với hoạt động ngân hàng của Habubank: Thành lập công ty Mua bán nợ, Công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư tài chính; Nghiên cứu việc thành lập công ty cho thuê tài chính; Tận dụng thời cơ mở rộng danh mục đầu tư vào các doanh nghiệp có tiềm năng và hiệu suất đầu tư tốt nhằm gia tăng thu nhập dài hạn ổn định cho Ngân hàng.
- 4 - Tăng cường đầu tư cho hạ tầng quản lý thông tin, dự kiến đầu tư nâng cấp thêm với ngân sách kiến nghị là từ 3 - 5 triệu USD năm 2008 cho hạ tầng mạng kể cả bảo mật, back up, hệ thống ATM, POS, Internet Banking, Mobile Banking và Trung tâm Dịch vụ khách hàng Contact Center.
- 5 - Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ mới, đặc biệt là khối ngân hàng cá nhân và khối ngân hàng đầu tư. Triển khai việc kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế như Visa, Master để có thể phát hành các loại thẻ Quốc tế.

- 6 - Nhanh chóng phát triển mạng lưới, mở thêm tối thiểu 10 đơn vị mới tại các địa bàn trọng điểm như Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Nha Trang - Khánh Hoà, đặc biệt chú trọng mở rộng mạng lưới tại TP Hồ Chí Minh và các khu vực phía Nam liền kề. Công tác mở rộng mạng lưới vẫn phải luôn đi kèm với chất lượng quản lý và hiệu quả kinh doanh. Đầu tư nâng cấp các địa điểm giao dịch và hoàn thiện chuẩn hoá nơi giao dịch với hình ảnh thống nhất của Ngân hàng.
- 7 - Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, tiếp tục sáng tạo các chính sách đãi ngộ phù hợp, thu hút và gìn giữ nguồn nhân lực kỹ năng cao, tăng cường công tác đào tạo nội bộ thông qua việc thành lập Trung tâm đào tạo của Ngân hàng, đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn Quốc tế cho Trung tâm khuyến khích nâng cao năng lực cán bộ thông qua tự đào tạo và đào tạo tập trung. Chính sách đãi ngộ nhất thiết phải đủ hấp dẫn tài năng và liên kết sự trung thành của cán bộ với Ngân hàng, cụ thể là chính sách thưởng đối với các quản lý cao cấp và các nhân sự đặc biệt có thể cân nhắc thu hút bằng cổ phiếu Habubank.

Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2008

CHỈ TIÊU	TĂNG TRƯỞNG (%)
Tổng tài sản	27% đến 40%
Vốn điều lệ	50% đến 100%
Tổng huy động	21% đến 31%
Tổng dư nợ	30%
Doanh số thanh toán quốc tế	35%
Tỷ lệ nợ quá hạn	≤ 2%
Tỷ lệ an toàn vốn	≥ 10%
Lợi nhuận trước thuế	41%
Chia lãi cổ tức dự kiến	15% đến 20%
Mạng lưới hoạt động	Đạt tối thiểu 40 điểm trên phạm vi cả nước

HABUBANK 2007

Báo cáo tài chính năm 2007

Báo cáo tài chính năm 2007

Số tham chiếu: 21007/21107

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội
tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội và của công ty con (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất có liên quan và các thuyết minh đi kèm (sau đây được gọi tắt là “các báo cáo tài chính hợp nhất”) cho năm kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 3 đến trang 55. Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Michael Yu Lim
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0629/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2008

Võ Xuân Minh
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0923/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

TÀI SẢN	Năm 2007 Triệu đồng	Năm 2006 Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	154.802	82.547
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	37.763	131.298
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	10.894.263	3.603.660
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác	310.062	43.422
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác	10.584.201	3.560.238
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	-
Chứng khoán kinh doanh	68.324	5.343
Chứng khoán kinh doanh	77.741	5.387
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.417)	(44)
Cho vay khách hàng	9.285.862	5.915.744
Cho vay khách hàng	9.419.378	5.983.267
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(133.516)	(67.523)
Chứng khoán đầu tư	2.411.833	1.559.234
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	2.142.199	1.556.900
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	269.634	2.334
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn	267.975	129.515
Vốn góp liên doanh	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	267.975	129.515
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Tài sản cố định	98.240	47.874
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>93.054</i>	<i>40.356</i>
Nguyên giá tài sản cố định	130.748	60.608
Hao mòn tài sản cố định	(37.694)	(20.252)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>5.186</i>	<i>7.518</i>
Nguyên giá tài sản cố định	12.420	11.118
Hao mòn tài sản cố định	(7.234)	(3.600)
Bất động sản đầu tư	-	8.004
Nguyên giá bất động sản đầu tư	-	10.207
Hao mòn bất động sản đầu tư	-	(2.203)
Tài sản có khác	299.622	202.099
TỔNG TÀI SẢN	23.518.684	11.685.318
NỢ PHẢI TRẢ		
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	307.434	193.271
Tiền gửi và vay các TCTD khác	10.805.535	4.857.999
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	9	9
Tiền gửi có kỳ hạn và vay các TCTD khác	10.805.526	4.857.990
Tiền gửi của khách hàng	8.467.382	4.484.804
Phát hành giấy tờ có giá thông thường	292.021	131.292
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	97.964	67.736
Các khoản nợ khác	369.003	193.835
Các khoản lãi, phí phải trả	236.883	136.803
Thuế TNDN phải trả	37.393	48.654
Các khoản phải trả và công nợ khác	79.837	8.378
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	14.890	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	20.339.339	9.928.937

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn và các quỹ		
Vốn điều lệ	2.000.000	1.000.000
Vốn đầu tư XDCB	1.931	1.931
Thặng dư vốn cổ phần	818.455	567.455
Quỹ của TCTD	64.267	30.224
Lợi nhuận để lại	294.692	156.771
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.179.345	1.756.381
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	23.518.684	11.685.318

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2007 Triệu đồng	2006 Triệu đồng
Các công nợ tiềm ẩn		
Bảo lãnh tài chính	1.158.144	537.497
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	3.999.064	1.158.982
	5.157.208	1.696.479
Các cam kết		
Cam kết góp vốn đầu tư mua cổ phần	116.864	1.054.210
Cam kết khác	74.690	151.693
	191.554	1.205.903

Người lập


Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Người phê duyệt



Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt


Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám ĐốcHà nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Năm 2007 Triệu đồng	Năm 2006 Triệu đồng
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	2.115.914	816.971
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(1.492.959)	(595.144)
Thu nhập lãi thuần	622.955	221.827
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	103.317	36.702
Chi phí hoạt động dịch vụ	(17.279)	(3.199)
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	86.038	33.503
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	2.718	1.367
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	9.074	7.485
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	114.628
Thu nhập từ hoạt động khác	4.356	8.037
Chi hoạt động khác	-	-
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	4.356	8.037
Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	12.800	1.056
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	737.941	387.903
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
Chi phí tiền lương	(88.890)	(46.213)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	(19.310)	(9.719)
Chi phí hoạt động khác	(84.063)	(52.899)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(192.263)	(108.831)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	545.678	279.072
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(84.923)	(31.025)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	460.755	248.047
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(95.123)	(62.854)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Chi phí thuế TNDN	(95.123)	(62.854)
LỢI NHUẬN THUẦN TRONG NĂM	365.632	185.193
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.229	2.379
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI ĐẦU NĂM	156.771	70.515
Lợi nhuận thuần trong năm	365.632	185.193
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI	522.403	255.708
Trừ:	-	-
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	(209)	-
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm hiện hành	(36.857)	(13.487)
Thoái trích lập các quỹ dự trữ theo Biên bản quyết toán thuế	1.233	-
Trả cổ tức đợt cuối năm cho năm trước	(88.667)	(44.500)
Trả cổ tức đợt I cho năm hiện hành	(109.100)	(42.000)
Điều chỉnh kết quả quyết toán thuế	5.022	1.113
Các khoản khác	867	(63)
LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI NĂM	294.692	156.771

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toán

Bà Lê Cẩm Tú
Kế toán Trưởng

Bà Bùi Thị Mai
Tổng Giám Đốc

Hà nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm 2007</i> <i>Triệu đồng</i>	<i>Năm 2006</i> <i>Triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	1.936.740	693.243
Chi phí lãi và các chi phí tương đương	(1.256.076)	(458.341)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	86.038	33.503
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ	11.792	8.852
Thu nhập từ hoạt động đầu tư vào chứng khoán vốn	188	-
Thu nhập khác	4.356	1.708
Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý xoá	-	-
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ	(167.942)	(99.112)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(99.924)	(25.972)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và các khoản phải trả	515.172	153.881
<i>Những thay đổi về tài sản</i>		
(Tăng) các khoản tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	(3.107.579)	95.553
(Tăng) các khoản về CK kinh doanh và CK đầu tư	(924.953)	(803.768)
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng	(3.436.111)	(2.653.093)
(Tăng) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất trong hoạt động	(4.040)	(39)
(Tăng) các tài sản hoạt động khác	(36.262)	(32.427)
Những thay đổi về các khoản phải trả		
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN	114.163	150.546
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác	5.947.536	3.395.718
Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	3.982.578	1.519.821
Tăng/(giảm) phát hành giấy tờ có giá thông thường	160.729	-
Tăng/(giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	30.228	21.118
Tăng/(giảm) các khoản nợ khác	55.190	23.280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.296.651	1.569.498
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Mua sắm tài sản cố định và xây dựng dở dang	(61.235)	(61.270)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	8.554
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(138.461)	-
Tiền thu cổ tức từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	12.612	1.056
Tiền thuần thu được/(sử dụng) trong hoạt động đầu tư	(187.084)	(51.660)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tăng vốn điều lệ	488.000	700.000
Thặng dư vốn cổ phần	763.000	567.455
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(197.767)	(86.500)
Sử dụng các quỹ	(1.947)	(1.029)
Các khoản khác	892	(22)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.052.178	1.179.904
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	4.161.745	2.697.742
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	2.909.545	211.803
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	7.071.290	2.909.545

Người lập

Người phê duyệt

Người phê duyệt





Bà Phạm Thị Đông Thành
Kế toánBà Lê Cẩm Tú
Kế toán TrưởngBà Bùi Thị Mai
Tổng Giám ĐốcHà nội, Việt Nam
Ngày 27 tháng 3 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN CHUNG VỀ NGÂN HÀNG

Giới thiệu về Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 11 tháng 1 năm 1989 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 là 2.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2006: 1.000.000 triệu đồng).

Trong năm 2007, Ngân hàng có hai đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Vốn tăng lên (triệu đồng)	Được chấp thuận theo	Ngày
1.400.000	Văn bản số 859/NHNN-HNA7 của Giám đốc NHNN TP Hà Nội	18 tháng 09 năm 2007
2.000.000	Văn bản số 1069/NHNN-HNA7 của Giám đốc NHNN TP Hà Nội	16 tháng 11 năm 2007

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2007 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Bảng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2006
Ông Nguyễn Đường Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2007

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính 2007 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 06 tháng 6 năm 2005
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2007
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007

Trụ sở và Hệ thống Chi nhánh

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại B7 Giảng Võ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười sáu (16) chi nhánh chính và mười hai (12) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Lĩnh vực kinh doanh	% sở hữu bởi Ngân hàng
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, thị trường vốn	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 865 người (năm 2006: 562 người).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 07 năm 2006 và 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính và các quy định có liên quan ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1)
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2)
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3)
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4)
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5)

Ngoại trừ việc các báo cáo tài chính hợp nhất này chưa trình bày đầy đủ các thông tin về chính sách quản lý và thông tin về tình hình rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Tuy nhiên, Điều 29 của Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN cho phép các tổ chức tín dụng có thể trình bày các thông tin về tình hình rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản từ năm tài chính 2008.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận để lại hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước được phân loại lại cho mục đích tuân thủ với các hướng dẫn về trình bày các báo cáo tài chính được quy định trong Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN và để đảm bảo sự thống nhất với việc trình bày các số liệu trong báo cáo tài chính của năm hiện hành.

Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12

Hợp nhất các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với công ty con. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 được trình bày ở Thuyết minh số 7 và số 8.

Đầu tư vào chứng khoán

Các chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán được giữ cho đến khi đến hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá mua, bao gồm cả chi phí bỏ ra để có được chứng khoán và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản chiết khấu/phụ trội thuộc khoản mục tài sản khác/công nợ khác và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán được giữ đến khi đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán ngoài các loại nêu trên, ban đầu được xác định theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá mua, bao gồm cả chi phí bỏ ra để có được chứng khoán và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản chiết khấu/phụ trội thuộc khoản mục tài sản khác/công nợ khác vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng sẽ được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính (nếu có). Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng theo lãi suất trên hợp đồng.

Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch

toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận để lại hợp nhất. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất hợp nhất trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30 năm
Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi phát sinh từ các khoản cho vay phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể, thông thường là các khoản nợ được phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo quy định tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ đó được chuyển ra tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Phí và hoa hồng cũng được ghi nhận trên cơ sở dự thu, dự chi. Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hội đồng quản trị của đơn vị được đầu tư phê duyệt kế hoạch phân chia cổ tức.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 37). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá bình quân vào cuối tháng. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền thuần

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi thành lượng tiền xác định và đến hạn trong vòng 90 ngày kể từ ngày giao dịch.

Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cán trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cán trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ quỹ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: Theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc ít nhất bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên từ 1,00% đến 3,00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10,00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện trích lập quỹ trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc làm tương đương 3,00% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội của Ngân hàng.

CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Xem phần tiếng Anh từ trang 107 đến trang 122)

HABUBANK 2007

Danh sách các ngân hàng đại lý &
hệ thống mạng lưới

Danh sách ngân hàng đại lý

1	ABN AMRO BANKS (branches: AUSTRALIA, CHINA, FRANCE, GERMANY, HONGKONG, INDIA, INDONESIA, ITALY, JAPAN, KOREA, MALAYSIA, NETHERLANDS, PHILIPPINES, SINGAPORE, SWITZERLAND, TAIWAN, THAILAND, UNITED STATES, VIETNAM)
2	AGRICULTURAL BANK OF CHINA (branches: CHINA)
3	AMERICAN EXPRESS BANK LTD (branches: ARGENTINA, BANGLADESH, BRAZIL, SWITZERLAND, GERMANY, UNITED KINGDOM, GREECE, HONG KONG, INDIA, JAPAN, KOREA, LUXEMBOURG, MONACO, PHILIPPINES, PAKISTAN, SINGAPORE, THAILAND, TAIWAN, UNITED STATES)
4	AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (branches: VIETNAM)
5	ASIAN DEVELOPMENT BANK (branches: PHILIPPINES)
6	AUSTRALIA AND NEW ZEALAND BANKING GROUP LIMITED (branches: AMERICAN SAMOA, AUSTRALIA, BRAZIL, COOK ISLANDS, CHINA, GERMANY, FIJI, FRANCE, UNITED KINGDOM, HONG KONG, INDONESIA, JAPAN, CAMBODIA, KOREA, NEW ZEALAND, PAPUA NEW GUINEA, PHILIPPINES, SOLOMON ISLANDS, SINGAPORE, THAILAND, TIMOR-LESTE, TONGA, TAIWAN, UNITED STATES, VIETNAM, VANUATU, SAMOA)
7	BANCA DI CIVIDALE S.P.A. (branches: ITALY)
8	BANCA DI ROMA S.P.A. (branches: CHINA, GERMANY, FRANCE, HONG KONG, ITALY, JAPAN, LEBANON, LUXEMBOURG, ROMANIA, SINGAPORE, SPAIN, TURKEY, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
9	BANCA POPOLARE FRIULADRIA SPA (branches: ITALY)
10	BANCO SURINVEST S.A. (branches: URUGUAY)
11	BANGKOK BANK PUBLIC COMPANY LIMITED (branch: PHILIPPINES)
12	BANK FOR AGRICULTURE OF VIETNAM (branches: VIETNAM)
13	BANK FOR COMMERCE AND INDUSTRY OF VIETNAM (branches: VIETNAM)
14	BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIETNAM (branches: VIETNAM)
15	BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF VIETNAM (branches: VIETNAM)
16	BANK LEUMI LE ISRAEL B.M (branches: ISRAEL)
17	BANK OF CHINA (branches: VIETNAM)
18	BANK OF NEW YORK (branches: BRUSSELS, CHINA, GERMANY, HONG KONG, JAPAN, KOREA, LUXEMBOURG, SINGAPORE, SPAIN, TAIWAN, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
19	BANK OF NOVA SCOTIA (branches: CANADA, CHINA, HONG KONG, JAPAN, KOREA, MALAYSIA, SINGAPORE, TAIWAN, UNITED STATES)

20	BANK SINOPAC (branches: TAIWAN, HONG KONG)
21	BANKER TRUST COMPANY NEW YORK (branches: NEW YORK)
22	BANKGESELLSCHAFT BERLIN AG (BERLINER BANKS) (branches: GERMANY, UNITED KINGDOM, IRELAND, LUXEMBOURG, POLAND)
23	BANCO DE SABADELL S.A (branches: SWITZERLAND, SPAIN, FRANCE, CAYMAN ISLANDS, UNITED KINGDOM)
24	BANCO POPOLARE DI VERONA E NOVARA SCRL (branches: ITALY, SWITZERLAND, UNITED KINGDOM)
25	BANQUE SANPAOLO (branches: FRANCE)
26	BAYERISCHE HYPO-UND VEREINSBANK AG (branches: GERMANY, JAPAN, UNITED STATES)
27	BNP BANK (branches: ALGERIA, ARGENTINA, AUSTRALIA, SAUDI ARABIA, BELGIUM, BRAZIL, BULGARIA, CANADA, CAYMAN ISLANDS, CHINA, EGYPT, GERMANY, FRANCE, FRENCH GUIANA, GUADELOUPE, GREECE, HONG KONG, HUNGARY, INDONESIA, IRELAND, INDIA, ITALY, JERSEY C.I, JAPAN, KOREA, LIECHTENSTEIN, LUXEMBOURG, MARTINIQUE, NEW CALEDONIA, NETHERLANDS, NORWAY, NEW ZEALAND, PANAMA, PERU, PHILIPPINES, PORTUGAL, QATAR, REUNION, RUSSIA, SINGAPORE, SPAIN, THAILAND, TAIWAN, UNITED KINGDOM, UNITED STATES, UNITED ARAB EMIRATES, URUGUAY, VIETNAM, VANUATU)
28	BRANCH BANKING & TRUST COMPANY (branches: UNITED STATES)
29	BUMIPUTRA COMMERCIAL BANK (L) LIMITED (branches: MALAYSIA)
30	CHINA CITIC BANK (FORMERLY CITIC INDUSTRIAL BANK) (branches: CHINA)
31	CHINA CONSTRUCTION BANK (branches: CHINA)
32	CHINA TRUST COMMERCIAL BANK (branches: TAIWAN)
33	CHINA MINSHENG BANKING CORPORATION LIMITED (branches: CHINA)
34	CHONGQING COMMERCIAL BANK (branches: CHINA)
35	CITI BANK (branches: ALGERIA, AUSTRIA, BELGIUM, BULGARIA, SAUDI ARABIA, CAMEROON, CONGO, COTE D'IVOIRE, CHINA, CZECH, DENMARK, EGYPT, FINLAND, FRANCE, GABON, HONG KONG, HUNGARY, INDIA, IRELAND, ISRAEL, ITALY, JAPAN, JERSEY, JORDAN, KENYA, KAZAKHSTAN, KUWAIT, LEBANON, MONACO, MOROCCO, NETHERLAND, NIGERIA, NORWAY, OMAN, PAKISTAN, POLAND, PORTUGAL, ROMANIA, RUSSIAN, SENEGAL, SINGAPORE, SLOVAKIA, SOUTH AFRICA, SPAIN, SWEDEN, TAIWAN, TANZANIA, THAILAND, TURKEY, TUNISIA, UGANDA, UKRAINE, UNITED ARAB EMIRATES, UNITED KINGDOM, UNITED STATES, VIETNAM, ZAMBIA)
36	COMMERZBANK AG (branches: BELGIUM, CHINA, CZECH, GERMANY, FRANCE, HONG KONG, HUNGARY, IRELAND, ITALY, JAPAN, CAYMAN ISLANDS, LUXEMBOURG, MALAYSIA, NETHERLAND, RUSSIAN, SINGAPORE, SLOVAKIA, SOUTH AFRICA, SWITZERLAND, SPAIN, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
37	COMMONWEALTH BANK OF AUSTRALIA SYDNEY (branches: AUSTRALIA, ENGLAND, HONG KONG, JAPAN, SINGAPORE, UNITED STATES)
38	CREDIT SUISSE (branch: SWITZERLAND)
39	CREDIT LYONNAIS (branch: VIETNAM)

40	DANSKE BANK A/S (branches: DENMARK, FINLAND, GERMANY, LUXEMBOURG, NORWAY, POLAND, SWEDEN, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
41	DEUTSCHE BANK AG (branches: ARGENTINA, BRAZIL, CHINA, FRANCE, GERMANY, HONG KONG, INDIA, INDONESIA, JAPAN, KOREA, MALAYSIA, SINGAPORE, SWITZERLAND, THAILAND, TAIWAN, UNITED KINGDOM, UNITED STATES, VIETNAM)
42	DEUTSCHE BANK TRUST COMPANY AMERICAS (branches: UNITED STATES)
43	DOHA BANK (branches: UNITED STATES)
44	DRESDNER BANK AG (branches: GERMANY)
45	DRESDNER BANK LATEINAMERIKA AG (branch: GERMANY)
46	FAR EASTERN COMMERCIAL BANK (branch: RUSSIA)
47	FAR EAST NATIONAL BANK (branches: UNITED STATES)
48	FINANCE BANK (MOSCOW) LTD. (branches: RUSSIA)
49	FIRST UKRAINIAN INTERNATIONAL BANK (branches: UKRAINE)
50	FIRST SINO BANK (branches: CHINA)
51	FORTIS BANK (branches: BELGIUM, CHINA, GERMANY, NETHERLAND)
52	HANA BANK (branches: KOREA)
53	HSBC BANK (branches: AUSTRALIA, CANADA, BANGLADESH, BRUNEI, CHINA, UNITED KINGDOM, HONG KONG, INDONESIA, INDIA, JAPAN, KOREA, MALAYSIA, NEW ZEALAND, PHILIPPINES, SINGAPORE, TAIWAN, THAILAND, VIETNAM, UNITED ARAB EMIRATES, UNITED STATES)
54	HSH NORDBANK AG (branches: GERMANY)
55	ICCREA BANCA - ISTITUTO CENTRALE DEL CREDITO COOPERATIVO (branches: ITALY)
56	INDUSTRIAL BANK OF KOREA (branches: KOREA)
57	INTESA SANPAOLO SPA (branches: CHINA, FRANCE, HONG KONG, IRELAND, ITALY, CAYMAN ISLANDS, JAPAN, RUSSIA, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
58	ING-BHF BANK (branches: BELGIUM, GERMANY)
59	JP MORGAN CHASE BANK (branches: UNITED STATES)
60	KBC BANK NV (branches: BELGIUM, CHINA, GERMANY, FRANCE, HONGKONG, MALAYSIA, SINGAPORE, PHILIPPINES, UNITED KINGDOM, NETHERLANDS, SPAIN, TAIWAN)
61	KOODMIN BANK (branches: KOREA)
62	KOREA EXCHANGE BANK (branches: KOREA, JAPAN, CHINA, HONGKONG, VIETNAM, SINGAPORE, PHILIPPINES, INDONESIA, AUSTRALIA, PANAMA, CANADA, UNITED KINGDOM, NETHERLANDS, FRANCE, GERMANY, SAUDI ARABIA)
63	LANDESBANK BADEN-WUERTTEMBERG (branches: GERMANY)
64	MILITARY COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (branches: VIETNAM)
65	SUHYUP BANK (FORMERLY NATIONAL FEDERATION OF FISHERIES COOPERATIVES) (branches: KOREA)

66	NATEXIS BANQUES (branches: FRANCE, SINGAPORE)
67	NORDEA BANK FINLAND (branches: CAYMAN ISLANDS, DENMARK, ESTONIA, FINLAND, GERMANY, LUXEMBOURG, LITHUANIA, LATVIA, NORWAY, POLAND, SINGAPORE, SWEDEN, SWITZERLAND, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
68	OVERSEA-CHINESE BANKING CORPORATION LIMITED (branches: AUSTRALIA, CHINA, HONG KONG, INDONESIA, JAPAN, KOREA, MALAYSIA, SINGAPORE, TAIWAN, THAILAND, UNITED KINGDOM, UNITED STATES)
69	PUSAN BANK (branches: KOREA)
70	RABOBANK (branch: SINGAPORE)
71	RAIFFEISEN ZENTRALBANK OESTERREICH AG (branch: AUSTRIA, CHINA, UNITED KINGDOM, SINGAPORE)
72	SAIGON COMMERCIAL BANK (branches: VIETNAM)
73	SAIGON THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (SACOMBANK) (branches: VIETNAM)
74	SHINHAN BANK (branches: KOREA, CHINA, HONGKONG, VIETNAM, SINGAPORE, INDIA, GERMANY)
75	SHINHANVINA BANK (branches: VIETNAM)
76	SILICON VALLEY BANK (branches: UNITED STATES)
77	STANDARD CHARTERED BANK (branches: CHINA, UNITED KINGDOM, HONG KONG, INDIA, INDONESIA, JAPAN, KOREA, MALAYSIA, SINGAPORE, TAIWAN, THAILAND, VIETNAM, UNITED ARAB EMIRATES, UNITED STATES)
78	STATE BANK OF VIETNAM (head office at HANOI)
79	SUMITOMO MITSUI BANKING CORPORATION (branches: BELGIUM, CHINA, GERMANY, FRANCE, UNITED KINGDOM, HONG KONG, INDIA, JAPAN, KOREA, SINGAPORE, THAILAND, TAIWAN, UNITED STATES)
80	SVENSKA HANDELSBANKEN (branches: SWEDEN)
81	TAINAN BUSINESS BANK (branches: TAIWAN)
82	TECHCOMBANK (branches: VIETNAM)
83	TEXAS FIRST NATIONAL BANK (branches: UNITED STATES)
84	THANACHART BANK PUBLIC COMPANY LIMITED (branches: THAILAND)
85	ULMER VOLKSBANK EG (branches: GERMANY)
86	UNICREDITO ITALIANO SPA (branch: ITALY)
87	UNION BANK OF CALIFORNIA (branches: HONG KONG, JAPAN, KOREA, PHILIPPINES, TAIWAN, UNITED STATES)
88	UNITED OVERSEAS BANK LIMITED (branches: SINGAPORE)
89	VABANK (branches: UKRAINE)
90	WACHOVIA BANK (branches: CHINA, UNITED KINGDOM, HONG KONG, JAPAN, KOREA, TAIWAN, UNITED STATES)
91	WOORI BANK (branches: BANGLADESH, BAHRAIN, CHINA, HONG KONG, INDONESIA, JAPAN, KOREA, SINGAPORE, UNITED KINGDOM, UNITED STATES, VIETNAM)
92	ZIBO CITY COMMERCIALBANK (branches: CHINA)



Hệ thống mạng lưới

HỘI SỞ CHÍNH

B7 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8 460 135/ 36; Fax: (04) 8 235 693

Email: mysay@habubank.com.vn

Website: www.habubank.com.vn

HÀ NỘI

Sở giao dịch Hàng Trống

71B Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9 289 175; Fax: (04) 9 289 262

Chi nhánh Hàm Long

67C Hàm Long, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9 432 435/ 958; Fax: (04) 9 432 436

Chi nhánh Thanh Quan

57 Hàng Cót, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8 258 924/ 926; Fax: (04) 8 258 745

Chi nhánh Cầu Giấy

Căn dịch vụ số 101, Lô C, Khu D5, đường Nguyễn Phong Sắc, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 2 690 530; Fax: (04) 2 690 531

Chi nhánh Hoàng Quốc Việt

Số 118 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7 560 650; Fax: (04) 7 563 120

Chi nhánh Vạn Phúc

2C Vạn Phúc, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7 262 025; Fax: (04) 7 262 236

Chi nhánh Minh Khai

242E Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 6 248 028; Fax: (04) 6 248 029

Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính

Tầng 1, Tòa nhà 17T1, Khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính

Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 2 815 158; Fax: (04) 2 815 159

Phòng giao dịch Bách Khoa

Số 30 Tạ Quang Bửu

(Tòa nhà lô 8C Dự án Nam Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội)

Điện thoại: (04) 8 684 146; Fax: (04) 8 684 147

Phòng giao dịch Thể Giao

11A Thể Giao, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 9 746 062; Fax: (04) 9 746 336

Phòng giao dịch Thanh Xuân

275 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (04) 5 574 361; Fax: (04) 5 574 362

Phòng giao dịch Cầu Diễn

112 - 114 Hồ Tùng Mậu, thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7 631 511; Fax: (04) 7 631 512

Phòng giao dịch Xuân Thủy

Tòa nhà H.I.T.C số 239 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (04) 7 684 621; Fax: (04) 7 684 622

Phòng giao dịch Long Biên

Số 339 Nguyễn Văn Cừ, Phường Ngọc Lâm, Quận Long Biên, Hà Nội

Điện thoại: (04) 8 736 269; Fax: (04) 8 736 272

QUẢNG NINH

Chi nhánh Quảng Ninh

Tòa nhà Công ty Bảo Minh (đối diện chợ Hạ Long 2)
đường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh
Điện thoại: (033) 628 811; Fax: (033) 628 822

Chi nhánh Uông Bí

498 Quang Trung, Thị xã Uông Bí, Quảng Ninh
Điện thoại: (033) 562 390; Fax: (033) 562 391

Phòng giao dịch Bạch Đằng - Quảng Ninh

Tổ 15 khối I phường Bạch Đằng, TP Hạ Long, Quảng Ninh
Điện thoại: (033) 623 006; Fax: (033) 623 053

BẮC NINH

Chi nhánh Bắc Ninh

Đường 277 Trung tâm huyện Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: (0241) 743 036; Fax: (0241) 742 444

Phòng giao dịch Số 1

Số 648 đường Ngô Gia Tự, phường Ninh Xá, Thị Xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: (0241) 895 339; Fax: (0241) 895 338

TP. HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Lô H3, đường Hoàng Diệu, Phường 6, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 9 434 224; Fax: (08) 9 434 299

Phòng giao dịch Tân Bình

Số 852 đường Trường Chinh, phường 15, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 8 156 364; Fax: (08) 8 156 369

Phòng giao dịch Nguyễn Huệ

2A Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 8 244 312; Fax: (08) 8 246 007

HẢI PHÒNG

Chi nhánh Hải Phòng

12 Trần Quang Khải, Hồng Bàng, Hải Phòng
Điện thoại: (031) 3 810 971; Fax: (031) 3 810 972

HÀ TÂY

Chi nhánh Hà Đông

210 Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Hà Đông, Hà Tây
Điện thoại: (034) 3 551 511; Fax: (034) 3 551 512

BÌNH DƯƠNG

Chi nhánh Bình Dương

Số 351 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Thọ, Thị xã Thủ Dầu I, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0650) 813 400; Fax: (0650) 813 401

Phòng giao dịch Dĩ An

Lô 1, Lô 2 Khu tái định cư Hội trường cũ đường Trần Hưng Đạo, Khu phố Bình Minh
Thị trấn Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0650) 779 361; Fax: (0650) 779 364

ĐÀ NẴNG

Chi nhánh Đà Nẵng

Số 247 đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3 911 888; Fax: (0511) 3 911 886

VĨNH PHÚC

Chi nhánh Vĩnh Phúc

Số 361 đường Mê Linh, phường Liên Bảo, Tp Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
Điện thoại: (0211) 710 145; Fax: (0211) 710 146

